

Bản án số: 163/2024/DS-ST  
Ngày 28 - 6 - 2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Xuân Đào
- Bà Nguyễn Thị Rạt

*Thư ký phiên tòa:* Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 455/2024/TLST- DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét **xử số 265/2024/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa:**

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Phạm Thị Thùy T1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2.2. Ông Hồ Văn L, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2024 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:*

Bà và Phạm Thị Thùy T1 và ông Hồ Văn L là chỗ quen biết với nhau, bà T1 làm thảo hụi, bà là hụi viên có tham gia các dây hụi sau:

1. Hụi mở ngày 10/10/2022, một tháng khui một lần, có 16 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 77.500.000 đồng;

2. Hụi mở ngày 10/12/2022, một tháng khui một lần, có 15 phần mỗi phần 5.000.000 đồng. Bà tham gia 02 phần đã đóng số tiền gốc là 145.000.000 đồng;

3. Hội mở ngày 10/01/2023, một tháng khai một lần, có 14 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 27.000.000 đồng;

4. Hội mở ngày 10/02/2023, một tháng khai một lần, có 15 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 19.000.000 đồng;

5. Hội mở ngày 10/3/2023, một tháng khai một lần, có 12 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 46.000.000 đồng;

6. Hội mở ngày 10/3/2023, một tháng khai một lần, có 12 phần mỗi phần 1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 11.500.000 đồng;

7. Hội mở ngày 10/4/2023, một tháng khai một lần, có 11 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 03 phần và đóng được số tiền gốc là 157.500.000 đồng;

8. Hội mở ngày 10/4/2023, một tháng khai một lần, có 11 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 42.000.000 đồng;

9. Hội mở ngày 10/5/2023, một tháng khai một lần, có 10 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 46.000.000 đồng;

10. Hội mở ngày 10/6/2023, một tháng khai một lần, có 09 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 31.500.000 đồng;

11. Hội mở ngày 10/9/2023, một tháng khai một lần, có 05 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 17.500.000 đồng;

12. Hội mở ngày 10/7/2023, một tháng khai một lần, có 08 phần mỗi phần 1.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 4.000.000 đồng.

13. Ngày 10/8/2023, một tháng khai một lần, có 07 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 10.500.000 đồng.

14. Ngày 10/8/2023, một tháng khai một lần, có 07 phần mỗi phần 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 25.700.000 đồng.

15. Ngày 10/11/2023, một tháng khai một lần, có 07 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

đồng.

16. Ngày 10/12/2023, một tháng khai một lần, có 03 phần mỗi phần 2.000.000 đồng, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền gốc là 9.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà T1 và ông L phải trả số tiền 668.700.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà Phạm Thị Thùy T1 trình bày:* Bà thừa nhận có nợ bà Trương Thị T số tiền hụi như bà T trình bày là đúng. Bà thống nhất trả còn chồng bà là ông L không biết gì về việc chơi hụi của bà nên bà không đồng ý Tòa án buộc chồng bà là ông L liên đới cùng bà trả số tiền trên.

*Bị đơn ông Hồ Văn L trình bày:* không biết gì về việc bà T1 chơi hụi nên ông không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bất cứ ai.

Phản tranh luận: bà T1 thừa nhận chồng bà là ông L có biết việc bà chơi hụi nhưng ông không trực tiếp nhận tiền và việc bà chơi hụi cũng trang trải cuộc sống gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thanh n trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị Thùy T1 và ông Hồ Văn L có hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trương Thị T là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà T1 và ông L là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà T khởi kiện bà Phạm Thị Thu T2 và ông Hồ Văn L trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Trương Thị T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà T khởi kiện yêu cầu bà T2 và ông L trả 668.700.000. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do bà T cung cấp gồm có: các giấy hụi.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà T yêu cầu ông L và bà T2 trả số tiền hụi 668.700.000 đồng. Bà T2 thừa nhận nợ, ông L không thừa nhận nợ và không đồng ý liên đới cùng bà T2 trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T2 có ký giấy nợ đối với các khoản nợ như bà T yêu cầu. Quá trình sống chung với ông L bà T2 có làm thảo hụi với bà T lấy tiền huê hồng để giải quyết các vấn đề kinh tế gia đình nên ông L phải có trách nhiệm liên đới với bà T2 trả cho bà T số tiền trên. Về phần lãi suất do bà T không có yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà T2 và ông L phải chịu án phí. H lại án phí cho bà Trương Thị T.

*Vicác lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” với bà Phạm Thị Thùy T1 và Hồ Văn L.

Buộc ông Hồ Văn L và bà Phạm Thị Thùy T1 liên đới phải trả cho bà Trương Thị T số tiền hụi 668.700.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản

do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T1 và ông L liên đới phải nộp 30.748.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí là 15.374.000 đồng theo biên lai số 0000442 ngày 13/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mộng Thúy**